

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 12/2011/TT-NHNN

*Hà Nội, ngày 17 tháng 5 năm 2011***THÔNG TƯ****Quy định về việc quản lý, sử dụng chữ ký số, chứng thư số và dịch vụ chứng thực chữ ký số của Ngân hàng Nhà nước**

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16/6/2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin số 67/2006/QH11 ngày 29/6/2006;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử số 51/2005/QH11 ngày 29/11/2005;

Căn cứ Nghị định số 96/2008/NĐ-CP ngày 26/8/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 26/2007/NĐ-CP ngày 25/02/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số;

Thực hiện Nghị quyết số 60/NQ-CP về đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước) quy định về việc quản lý, sử dụng chữ ký số, chứng thư số và dịch vụ chứng thực chữ ký số của Ngân hàng Nhà nước như sau:

Chương I**QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định việc quản lý, sử dụng chữ ký số, chứng thư số và dịch vụ chứng thực chữ ký số trong giao dịch điện tử của Ngân hàng Nhà nước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức, cá nhân thuộc Ngân hàng Nhà nước; các tổ chức tín dụng; chi nhánh ngân hàng nước ngoài; Kho bạc Nhà nước.

2. Tổ chức khác lựa chọn sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số của Ngân hàng Nhà nước trong các hoạt động giao dịch điện tử do Ngân hàng Nhà nước tổ chức.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “Chứng thư số” là một dạng chứng thư điện tử do tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số của Ngân hàng Nhà nước cấp.

2. “Dịch vụ chứng thực chữ ký số” là một loại hình dịch vụ do tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số của Ngân hàng Nhà nước cấp. Dịch vụ chứng thực chữ ký số bao gồm:

- a) Tạo cặp khóa bao gồm khóa công khai và khóa bí mật cho thuê bao;
- b) Cấp, gia hạn, tạm dừng, phục hồi và thu hồi chứng thư số của thuê bao;
- c) Duy trì trực tuyến cơ sở dữ liệu về chứng thư số;
- d) Những dịch vụ khác theo quy định của Nghị định chữ ký số.

3. “Thuê bao” là tổ chức, cá nhân quy định tại Điều 2 Thông tư này; được tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số của Ngân hàng Nhà nước cấp chứng thư số; chấp nhận chứng thư số và giữ khóa bí mật tương ứng với khóa công khai ghi trên chứng thư số được cấp.

4. “Tổ chức quản lý thuê bao” là các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước; tổ chức tín dụng, Kho bạc Nhà nước hoặc các tổ chức khác đề nghị cấp chứng thư số cho tổ chức, cá nhân thuộc tổ chức mình và chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật về quản lý tổ chức, cá nhân đó.

5. “Giao dịch điện tử của Ngân hàng Nhà nước” là các hoạt động, nghiệp vụ được tiến hành bằng phương thức điện tử của Ngân hàng Nhà nước.

6. “Nghị định chữ ký số” là Nghị định số 26/2007/NĐ-CP ngày 15/02/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số.

Điều 4. Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số của Ngân hàng Nhà nước

1. Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số của Ngân hàng Nhà nước (gọi tắt là tổ chức cung cấp dịch vụ chữ ký số) do Cục Công nghệ tin học quản lý,

điều hành và là tổ chức duy nhất của Ngân hàng Nhà nước cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số.

Địa chỉ: Số 64 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (04) 3835 4775 / (04) 3773 1386

Fax: (04) 3835 8135 / 3834 5180

Phòng đầu mối: Phòng An ninh công nghệ thông tin và quản lý, cấp phát chữ ký điện tử (Phòng CA).

2. Tổ chức cung cấp dịch vụ chữ ký số của Ngân hàng Nhà nước thuộc loại hình tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng.

Điều 5. Chứng thư số

1. Nội dung chứng thư số:

- a) Tên tổ chức cung cấp dịch vụ chữ ký số;
- b) Tên của thuê bao;
- c) Tên tổ chức quản lý thuê bao;
- d) Số hiệu của chứng thư số;
- đ) Thời hạn có hiệu lực của chứng thư số;
- e) Các khóa công khai của thuê bao;
- g) Chữ ký số của tổ chức cung cấp dịch vụ chữ ký số;
- h) Các hạn chế về mục đích, phạm vi sử dụng của chứng thư số;
- i) Các hạn chế về trách nhiệm pháp lý của tổ chức cung cấp dịch vụ chữ ký số;
- k) Các thông tin khác cho mục đích quản lý, sử dụng, an toàn, bảo mật do tổ chức cung cấp dịch vụ chữ ký số quy định.

2. Thời gian có hiệu lực của chứng thư số:

- a) Không quá 10 năm đối với chứng thư số của tổ chức cung cấp dịch vụ chữ ký số;
- b) Không quá 05 năm đối với chứng thư số của thuê bao.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của các bên

1. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức cung cấp dịch vụ chữ ký số:

- a) Tổ chức cung cấp dịch vụ chữ ký số có các quyền sau:
 - Cấp phát, gia hạn, tạm dừng, thu hồi, khôi phục chứng thư số và thay đổi cặp khóa cho thuê bao khi có yêu cầu;

- Lưu giữ bản sao khóa bí mật thuộc cặp khóa mã hóa của thuê bao và chỉ được sử dụng khóa bí mật này khi được phép của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước hoặc người được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ủy quyền;

b) Tổ chức cung cấp dịch vụ chữ ký số có các nghĩa vụ sau:

- Quản lý, vận hành hệ thống trang thiết bị kỹ thuật cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số của Ngân hàng Nhà nước;

- Có phương án dự phòng đảm bảo duy trì hoạt động cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số của Ngân hàng Nhà nước an toàn, liên tục;

- Lưu trữ đầy đủ, chính xác và cập nhật thông tin của thuê bao phục vụ cho việc quản lý chứng thư số trong suốt thời gian chứng thư số có hiệu lực;

- Phân phối khóa và chứng thư số cho thuê bao;

- Công bố danh sách các chứng thư số đã cấp, tạm dừng hoặc thu hồi;

- Đảm bảo an toàn, bí mật khóa bí mật của thuê bao trong trường hợp đồng ý nhận ủy quyền lưu giữ bản sao khóa bí mật của thuê bao;

- Lưu trữ các thông tin chứng thư số của thuê bao trong thời hạn ít nhất 05 năm kể từ khi chứng thư số bị thu hồi;

- Tổ chức tiêu hủy chứng thư số và các dữ liệu liên quan đã hết hạn lưu trữ theo quy định tại Điều 19 Thông tư này nếu không có chỉ định nào khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền;

- Hướng dẫn và tạo điều kiện cho tổ chức quản lý thuê bao, thuê bao thực hiện đúng các quy định tại Thông tư này.

c) Tổ chức cung cấp dịch vụ chữ ký số không có nghĩa vụ kiểm tra từng giao dịch điện tử cụ thể của thuê bao.

2. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức quản lý thuê bao:

a) Tổ chức quản lý thuê bao có các quyền sau:

- Được cung cấp các thông tin hướng dẫn về trình tự, thủ tục cấp phát, quản lý và sử dụng chứng thư số;

- Được yêu cầu tổ chức cung cấp dịch vụ chữ ký số cấp, gia hạn, tạm dừng, khôi phục, thu hồi chứng thư số hoặc thay đổi cặp khóa cho các thuê bao do mình quản lý.

b) Tổ chức quản lý thuê bao có các nghĩa vụ sau:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin trên đơn đề nghị cấp, gia hạn, tạm dừng, khôi phục, thu hồi chứng thư số và thay đổi cặp khóa của thuê bao do mình quản lý;

- Có trách nhiệm gửi hồ sơ về chứng thư số theo đường bưu điện hoặc gửi trực tiếp về tổ chức cung cấp dịch vụ chữ ký số;

- Hướng dẫn, kiểm tra và tạo điều kiện cho các thuê bao thuộc tổ chức mình quản lý, sử dụng chứng thư số và khóa bí mật theo đúng các quy định tại Thông tư này;

- Thông báo kịp thời bằng văn bản cho tổ chức cung cấp dịch vụ chữ ký số tạm dừng hoặc thu hồi chứng thư số của thuê bao trong các trường hợp: thuê bao tạm nghỉ việc, nghỉ việc hoặc chuyển sang tổ chức khác; thuê bao chuyển công việc mới và không sử dụng chứng thư số đã cấp và các trường hợp khác xuất phát từ nhu cầu của tổ chức quản lý thuê bao.

3. Quyền và nghĩa vụ của thuê bao:

a) Thuê bao có các quyền sau:

- Được cung cấp các thông tin hướng dẫn về trình tự, thủ tục cấp phát, quản lý và sử dụng chứng thư số;

- Thông qua tổ chức quản lý thuê bao của mình đề nghị cấp, gia hạn, tạm dừng, khôi phục, thu hồi chứng thư số hoặc thay đổi cặp khóa;

- Trong trường hợp cần thiết, thuê bao có thể trực tiếp gửi văn bản đề nghị tổ chức cung cấp dịch vụ chữ ký số tạm dừng chứng thư số của mình và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về đề nghị đó.

b) Thuê bao có các nghĩa vụ sau:

- Sử dụng chứng thư số đúng mục đích đã đăng ký;

- Bảo quản và sử dụng khóa bí mật, các dữ liệu trong thiết bị lưu giữ khóa bí mật theo chế độ “Mật”;

- Thông báo kịp thời cho tổ chức cung cấp dịch vụ chữ ký số và tổ chức quản lý thuê bao của mình trong trường hợp phát hiện hoặc nghi ngờ chứng thư số, khóa bí mật không còn an toàn;

- Tuân thủ các quy định khác về cấp phát, quản lý và sử dụng chứng thư số.

Chương II

THUÊ BAO VÀ TỔ CHỨC QUẢN LÝ THUÊ BAO

Điều 7. Cấp chứng thư số

1. Cá nhân, tổ chức đề nghị cấp chứng thư số phải thỏa mãn các điều kiện sau:

a) Thuộc đối tượng theo quy định tại Điều 2 Thông tư này;

b) Chấp thuận các quy định đối với thuê bao tại Thông tư này.

2. Hồ sơ đề nghị cấp chứng thư số gồm:

Văn bản đề nghị cấp chứng thư số của tổ chức quản lý thuê bao gửi tổ chức cung cấp dịch vụ chữ ký số (theo mẫu số 7 tại Phụ lục kèm theo Thông tư này), kèm theo Giấy đề nghị cấp chứng thư số (theo mẫu số 1 tại Phụ lục kèm theo Thông tư này) của các cá nhân, tổ chức thuộc tổ chức quản lý thuê bao.

3. Trường hợp tự tạo cặp khóa, thuê bao phải tạo cặp khóa trong khoảng thời gian quy định trên thông báo chấp thuận cấp chứng thư số. Trường hợp thuê bao không có điều kiện tạo cặp khóa trong khoảng thời gian quy định, tổ chức quản lý thuê bao phải có văn bản gửi tổ chức cung cấp dịch vụ chữ ký số đề nghị gia hạn thời gian tạo khóa cho thuê bao.

4. Thuê bao phải sử dụng thiết bị lưu giữ khóa bí mật theo tiêu chuẩn kỹ thuật do tổ chức cung cấp dịch vụ chữ ký số quy định.

Điều 8. Gia hạn chứng thư số

1. Chứng thư số đề nghị gia hạn phải đảm bảo còn thời hạn sử dụng ít nhất là 30 ngày.

2. Tổ chức quản lý thuê bao gửi giấy đề nghị gia hạn của thuê bao (theo mẫu số 2 tại Phụ lục kèm theo Thông tư này) đến tổ chức cung cấp dịch vụ chữ ký số.

3. Mỗi chứng thư số được gia hạn không quá 03 lần, thời gian gia hạn cho mỗi lần không quá 05 năm.

Điều 9. Tạm dừng chứng thư số

1. Chứng thư số của thuê bao bị tạm dừng trong các trường hợp sau:

a) Theo yêu cầu bằng văn bản từ thuê bao (theo mẫu số 3 tại Phụ lục kèm theo Thông tư này) trong các trường hợp: khóa bí mật bị lộ hoặc nghi bị lộ; thiết bị lưu giữ khóa bí mật bị thất lạc, bị sao chép trái phép hoặc các trường hợp mất an toàn khác;

b) Theo yêu cầu bằng văn bản từ phía các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền;

c) Theo yêu cầu bằng văn bản từ tổ chức quản lý thuê bao;

d) Có đủ căn cứ xác định thuê bao vi phạm các quy định tại Thông tư này;

đ) Tổ chức cung cấp dịch vụ chữ ký số phát hiện ra bất cứ sai sót, sự cố nào có thể ảnh hưởng đến quyền lợi của thuê bao hoặc an ninh, an toàn của hệ thống cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số.

2. Thời gian tạm dừng chứng thư số tối đa là 06 tháng.

Điều 10. Thu hồi chứng thư số

1. Chứng thư số của thuê bao bị thu hồi trong các trường hợp sau:

- a) Chứng thư số hết hạn sử dụng;
- b) Theo yêu cầu bằng văn bản từ phía các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền;
- c) Theo yêu cầu bằng văn bản từ tổ chức quản lý thuê bao;
- d) Tổ chức quản lý thuê bao, thuê bao giải thể hoặc phá sản theo quy định của pháp luật;
- đ) Có đủ căn cứ xác định thuê bao vi phạm các quy định về quản lý, sử dụng khóa bí mật và thiết bị lưu giữ khóa bí mật tại Thông tư này;

2. Chứng thư số bị thu hồi sau khi hết thời hạn lưu trữ được tiêu hủy theo quy định tại Điều 19 Thông tư này nếu không có chỉ định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Điều 11. Thay đổi cặp khóa

1. Thuê bao có yêu cầu thay đổi cặp khóa phải đảm bảo thời hạn sử dụng còn lại của chứng thư số ít nhất là 30 ngày.

2. Tổ chức quản lý thuê bao có giấy đề nghị thay đổi cặp khóa của thuê bao (theo mẫu số 6 tại Phụ lục kèm theo Thông tư này) gửi tổ chức cung cấp dịch vụ chữ ký số.

Điều 12. Kiểm tra chữ ký số

1. Trước khi chấp nhận chữ ký số của người ký, người nhận phải kiểm tra những thông tin sau:

a) Hiệu lực, phạm vi sử dụng, giới hạn trách nhiệm chứng thư số của người ký và chữ ký số của tổ chức cung cấp dịch vụ chữ ký số;

b) Chữ ký số phải được tạo bởi khóa bí mật tương ứng với khóa công khai trên chứng thư số của người ký.

2. Người nhận phải chịu mọi thiệt hại xảy ra trong trường hợp sau:

a) Không tuân thủ các quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Đã biết hoặc được thông báo về sự không còn tin cậy của chứng thư số và khóa bí mật của người ký.

Chương III**TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ CHỮ KÝ SỐ****Điều 13. Cấp, gia hạn chứng thư số**

Tổ chức cung cấp dịch vụ chữ ký số có trách nhiệm:

1. Cung cấp cho tổ chức, cá nhân xin cấp chứng thư số những thông tin sau đây:

a) Phạm vi, giới hạn sử dụng của chứng thư số, yêu cầu bảo mật và những thông tin khác có khả năng ảnh hưởng đến quyền lợi của tổ chức, cá nhân xin cấp chứng thư số;

b) Yêu cầu đối với thuê bao trong việc tạo, lưu giữ và sử dụng khóa bí mật;

c) Những nội dung khác do tổ chức cung cấp dịch vụ chữ ký số quy định để đảm bảo an ninh, an toàn cho hệ thống cung cấp dịch vụ chữ ký số.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị cấp hoặc gia hạn chứng thư số hợp lệ, tổ chức cung cấp dịch vụ chữ ký số có trách nhiệm kiểm tra, cấp chứng thư số hoặc gia hạn chứng thư số cho thuê bao nếu đủ điều kiện hoặc có văn bản từ chối trong đó nêu rõ lý do từ chối nếu không đủ điều kiện cấp hoặc gia hạn chứng thư số.

3. Công bố danh sách chứng thư số cấp mới cho thuê bao trong khoảng thời gian quy định tại Điều 18 Thông tư này.

Điều 14. Tạm dừng, thu hồi chứng thư số

Tổ chức cung cấp dịch vụ chữ ký số có trách nhiệm:

1. Đảm bảo kênh thông tin tiếp nhận yêu cầu tạm dừng, thu hồi chứng thư số hoạt động 24 giờ trong ngày và 07 ngày trong tuần.

2. Lưu trữ thông tin liên quan đến hoạt động tạm dừng hoặc thu hồi chứng thư số trong thời gian ít nhất 05 năm kể từ thời điểm chứng thư số bị tạm dừng hoặc thu hồi.

3. Khi có đủ căn cứ tạm dừng, thu hồi chứng thư số, tổ chức cung cấp dịch vụ chữ ký số phải lập tức tiến hành tạm dừng hoặc thu hồi chứng thư số, đồng thời thông báo cho thuê bao và công bố danh sách tạm dừng, thu hồi theo quy định tại Điều 18 Thông tư này.

Điều 15. Khôi phục chứng thư số

1. Tổ chức cung cấp dịch vụ chữ ký số có trách nhiệm xem xét khôi phục chứng thư số cho thuê bao trong các trường hợp sau:

a) Theo yêu cầu bằng văn bản từ phía các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền;

b) Theo đề nghị khôi phục chứng thư số của thuê bao hoặc quản lý thuê bao (theo mẫu số 4 tại Phụ lục kèm theo Thông tư này) trong trường hợp thuê bao hoặc quản lý thuê bao có đề nghị tạm dừng chứng thư số trước đó;

c) Thời gian tạm dừng chứng thư số theo đề nghị tạm dừng đã hết;

d) Chứng thư số bị tạm dừng theo quy định tại điểm d và điểm đ khoản 1 Điều 9 Thông tư này và những vi phạm, sai sót, sự cố đó đã được khắc phục.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, tổ chức cung cấp dịch vụ chữ ký số có trách nhiệm khôi phục chứng thư số cho thuê bao nếu đủ điều kiện hoặc có văn bản từ chối nếu không đủ điều kiện khôi phục chứng thư số.

Điều 16. Tạo và cung cấp khóa

1. Một cặp khóa của thuê bao có thể được tạo ra bởi:

a) Bản thân thuê bao;

b) Tổ chức cung cấp dịch vụ chữ ký số theo yêu cầu bằng văn bản của thuê bao hoặc tổ chức quản lý thuê bao.

2. Trường hợp tự tạo cặp khóa, thuê bao phải tiến hành theo đúng các quy định tạo khóa của tổ chức cung cấp dịch vụ chữ ký số.

3. Trường hợp tổ chức cung cấp dịch vụ chữ ký số tạo cặp khóa cho thuê bao, khóa bí mật phải được chuyển đến cho thuê bao bằng phương thức an toàn và bảo mật.

Điều 17. Thay đổi cặp khóa thuê bao

Tổ chức cung cấp dịch vụ chữ ký số có trách nhiệm sau:

1. Đảm bảo kênh thông tin tiếp nhận yêu cầu thay đổi cặp khóa hoạt động 24 giờ trong ngày và 7 ngày trong tuần.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị thay đổi khóa hợp lệ, tổ chức cung cấp dịch vụ chữ ký số kiểm tra, thay đổi cặp khóa cho thuê bao nếu đủ điều kiện và phân phối khóa theo quy định tại Điều 16 Thông tư này hoặc có văn bản từ chối nếu không đủ điều kiện.

3. Lưu trữ thông tin liên quan đến hoạt động thay đổi cặp khóa trong thời gian ít nhất 05 năm, kể từ thời điểm thay đổi.

Điều 18. Cập nhật và công bố thông tin

1. Tổ chức cung cấp dịch vụ chữ ký số có trách nhiệm duy trì 24 giờ trong ngày và 7 ngày trong tuần trên trang tin điện tử của mình những thông tin sau:

a) Thông tư chứng thực chữ ký số và chứng thư số;

b) Danh sách chứng thư số có hiệu lực, bị tạm dừng, bị thu hồi của thuê bao;

c) Những thông tin cần thiết khác.

2. Thời gian cập nhật cơ sở dữ liệu chứng thư số của tổ chức cung cấp dịch vụ chữ ký số:

a) Trong vòng 08 giờ làm việc kể từ thời điểm hoàn thành thủ tục cấp đổi với chứng thư số mới cấp;

b) Ngay sau khi hoàn thành công việc tạm dừng, thu hồi chứng thư số hoặc thay đổi cặp khóa.

Điều 19. Tiêu hủy chứng thư số

1. Nguyên tắc tiêu hủy:

a) Phải đảm bảo tiêu hủy hết thông tin trên giấy và trên thiết bị lưu giữ;

b) Hội đồng tiêu hủy gồm đại diện lãnh đạo tổ chức quản lý thuê bao và đại diện các bộ phận liên quan đến việc quản lý, sử dụng chứng thư số. Hội đồng tiến hành tiêu hủy chứng thư số, dữ liệu liên quan và lập biên bản tiêu hủy với các nội dung chính: loại tài liệu đã tiêu hủy; phương thức tiêu hủy; kết luận và chữ ký của các thành viên hội đồng tiêu hủy.

2. Phương thức tiêu hủy:

a) Hủy bỏ tài liệu giấy bằng cách cắt vụn không còn khả năng khôi phục nguyên trạng hoặc đốt cháy hoàn toàn tài liệu;

b) Xóa không còn khả năng phục hồi toàn bộ thông tin chứng thư số và các dữ liệu liên quan trên các thiết bị lưu giữ.

3. Nội dung tiêu hủy:

a) Dữ liệu chứng thư số, cặp khóa;

b) Các dữ liệu khác liên quan đến việc cấp, quản lý, sử dụng chứng thư số.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 20. Vi phạm và xử lý vi phạm, khiếu nại và giải quyết tranh chấp

Việc xác định vi phạm và xử lý vi phạm, khiếu nại và giải quyết tranh chấp về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số của tổ chức cung cấp dịch vụ chữ ký số, thuê bao và tổ chức quản lý thuê bao thực hiện theo quy định của Nghị định chữ ký số và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 21. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 6 năm 2011 và thay thế Quyết định số 04/2008/QĐ-NHNN ngày 21/02/2008 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành Quy chế cấp phát, quản lý, sử dụng chữ ký số, chứng thư số và dịch vụ chứng thực chữ ký số của Ngân hàng Nhà nước.

Điều 22. Trách nhiệm thi hành

1. Cục Công nghệ tin học có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn, theo dõi và kiểm tra việc chấp hành Thông tư này của các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các tổ chức khác có sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số của Ngân hàng Nhà nước;

b) Nghiên cứu, triển khai tích hợp chữ ký số vào các hoạt động, nghiệp vụ ngân hàng điện tử của Ngân hàng Nhà nước.

2. Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng có trách nhiệm phối hợp với Cục Công nghệ tin học kiểm tra việc chấp hành Thông tư này của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

3. Vụ Kiểm toán nội bộ có trách nhiệm thực hiện hoạt động kiểm tra nội bộ và kiểm toán nội bộ việc chấp hành Thông tư này đối với các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước.

4. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc) các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Kho bạc Nhà nước và thủ trưởng các tổ chức khác có sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số của Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm tổ chức triển khai và kiểm tra việc chấp hành tại đơn vị mình theo đúng các quy định của Thông tư này./.

**KT.THỐNG ĐỐC
PHÓ THỐNG ĐỐC**

Nguyễn Toàn Thắng

Phụ lục
CÁC MẪU BIỂU

(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2011/TT-NHNN ngày 17/5/2011)

Mẫu số 1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP CHỨNG THƯ SỐ

Kính gửi: Cục Công nghệ tin học - Ngân hàng Nhà nước

Họ và tên :..... Giới tính:.....
 Ngày sinh:..... Nơi sinh:..... Quốc tịch :.....
 Số CMT/Hộ chiếu:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....
 Địa chỉ thường trú :.....
 Nơi công tác:.....
 Mã Ngân hàng:.....
 Điện thoại:..... Fax:.....
 Chức vụ:..... Bộ phận:.....
 Điện thoại nhà riêng (*):..... Di động:

Email(*):.....
 Thời hạn đề nghị cấp (tối đa là 05 năm tính từ ngày cấp chứng thư số):..... năm
 Loại nghiệp vụ: (TTLNH /BC theo NĐ82/BC tài chính/DTBB/BCTK)
 Mục đích sử dụng trong nghiệp vụ Thanh toán liên ngân hàng (TTLNH):

Truyền thông Phê duyệt giao dịch

- Tôi cam đoan những thông tin khai báo trên là đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

- Nếu được chấp thuận cấp chứng thư số, tôi cam đoan chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của Ngân hàng Nhà nước và của Nhà nước về quản lý, sử dụng chữ ký số, chứng thư số và dịch vụ chứng thực chữ ký số.

Tên tổ chức quản lý thuê bao:..... Ngày..... tháng năm.....

Xác nhận của thủ trưởng đơn vị
(Cấp xác nhận là Hội sở chính hoặc
Chi nhánh nơi làm việc của thuê bao)

Người khai ký và ghi rõ họ, tên

Chú thích: () là những thông tin không bắt buộc*

Mẫu số 2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ GIA HẠN CHỨNG THƯ SỐ

Kính gửi: Cục Công nghệ tin học - Ngân hàng Nhà nước

Họ và tên:..... Giới tính

Ngày sinh:..... Nơi sinh:..... Quốc tịch:.....

Số CMT/Hộ chiếu:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

Địa chỉ thường trú :

Nơi công tác:.....

Mã Ngân hàng:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

Chức vụ:..... Bộ phận :

Điện thoại nhà riêng (*):..... Di động:.....

Email(*):.....

Đề nghị gia hạn chứng thư số:

Số chứng thư số: Ngày cấp (lần đầu):..... Ngày hết hạn:.....

Loại nghiệp vụ: (TTLNH /BC theo NĐ82/BC tài chính/DTBB/BCTK ...):.....

Mục đích sử dụng trong nghiệp vụ Thanh toán liên ngân hàng (TTLNH):

Truyền thông

Phê duyệt giao dịch

Lý do gia hạn:.....

Thời hạn gia hạn (tối đa là 05 năm): năm

Tên tổ chức quản lý thuê bao:..... Ngày tháng năm.....

Xác nhận của thủ trưởng đơn vị
(Cấp xác nhận là Hội sở chính hoặc
Chi nhánh nơi làm việc của thuê bao)

Người khai ký và ghi rõ họ, tên

Chú thích: () là những thông tin không bắt buộc*

Mẫu số 3

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ TẠM DỪNG CHỨNG THƯ SỐ

Kính gửi: Cục Công nghệ tin học - Ngân hàng Nhà nước

Họ và tên:..... Giới tính

Ngày sinh:..... Nơi sinh:..... Quốc tịch:.....

Số CMT/Hộ chiếu:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

Địa chỉ thường trú:.....

Nơi công tác:.....

Mã Ngân hàng:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

Chức vụ:..... Bộ phận :.....

Điện thoại nhà riêng (*):..... Di động:.....

Email(*):.....

Đề nghị tạm dừng chứng thư số:

Số chứng thư số: Ngày cấp:..... Ngày hết hạn:.....

Loại nghiệp vụ: (TTLNH /BC theo NĐ82/BC tài chính/DTBB/BCTK ...):.....

Mục đích sử dụng trong nghiệp vụ Thanh toán liên ngân hàng (TTLNH):

Truyền thông

Phê duyệt giao dịch

Thời gian tạm dừng (không quá 06 tháng): Từ ngày..... Đến ngày.....

Lý do tạm dừng:.....

Tên tổ chức quản lý thuê bao:.....

..... Ngày tháng năm.....

Xác nhận của thủ trưởng đơn vị

Người khai ký và ghi rõ họ, tên

*(Không cần xác nhận trong trường hợp
thuê bao trực tiếp đề nghị tạm dừng)*

Chú thích: () là những thông tin không bắt buộc*

Mẫu số 4

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ KHÔI PHỤC CHỨNG THƯ SỐ

Kính gửi: Cục Công nghệ tin học - Ngân hàng Nhà nước

Họ và tên:..... Giới tính

Ngày sinh:..... Nơi sinh

Quốc tịch:.....

Số CMT/Hộ chiếu:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

Địa chỉ thường trú:.....

Nơi công tác:.....

Mã Ngân hàng:

Điện thoại:..... Fax:.....

Chức vụ:..... Bộ phận :.....

Điện thoại nhà riêng (*):..... Di động:.....

Email(*):.....

Đề nghị tạm khôi phục chứng thư số:

Số chứng thư số:..... Ngày cấp:..... Ngày hết hạn:.....

Loại nghiệp vụ: (TTLNH /BC theo NĐ82/BC tài chính/DTBB/BCTK ..).....

Mục đích sử dụng trong nghiệp vụ Thanh toán liên ngân hàng (TTLNH):

Truyền thông

Phê duyệt giao dịch

Thời gian tạm dừng : Từ ngày..... Đến ngày.....

Lý do khôi phục:

Tên tổ chức quản lý thuê bao:..... Ngày.....tháng..... năm.....

Xác nhận của thủ trưởng đơn vị

Người khai ký và ghi rõ họ, tên

(Cấp xác nhận là Hội sở chính hoặc

Chi nhánh nơi làm việc của thuê bao)

Chú thích: () là những thông tin không bắt buộc*

Mẫu số 5

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ THU HỒI CHỨNG THƯ SỐ

Kính gửi: Cục Công nghệ tin học - Ngân hàng Nhà nước

Họ và tên:..... Giới tính:

Ngày sinh:..... Nơi sinh:..... Quốc tịch:.....

Số CMT/Hộ chiếu:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

Địa chỉ thường trú :

Nơi công tác :

Mã Ngân hàng:

Điện thoại:..... Fax:

Chức vụ:..... Bộ phận :

Điện thoại nhà riêng (*):..... Di động:.....

Email(*):.....

Đề nghị thu hồi chứng thư số:

Số chứng thư số:..... Ngày cấp..... Ngày hết hạn:.....

Loại nghiệp vụ: (TTLNH /BC theo NĐ82/BC tài chính/DTBB/BCTK ...):.....

Mục đích sử dụng trong nghiệp vụ Thanh toán liên ngân hàng (TTLNH):

Truyền thông

Phê duyệt giao dịch

Lý do thu hồi:.....

Tên tổ chức quản lý thuê bao:..... Ngàythángnăm.....

Xác nhận của thủ trưởng đơn vị

Người khai ký và ghi rõ họ, tên

(Cấp xác nhận là Hội sở chính hoặc

Chi nhánh nơi làm việc của thuê bao)

Chú thích: () là những thông tin không bắt buộc*

Mẫu số 6

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ THAY ĐỔI CẬP KHÓA

Kính gửi: Cục Công nghệ tin học - Ngân hàng Nhà nước

Họ và tên:..... Giới tính

Ngày sinh:..... Nơi sinh:..... Quốc tịch :.....

Số CMT/Hộ chiếu:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

Địa chỉ thường trú :.....

Nơi công tác :.....

Mã Ngân hàng:

Điện thoại:..... Fax:.....

Chức vụ:..... Bộ phận :.....

Điện thoại nhà riêng (*):..... Di động.....

Email(*):.....

Đề nghị thay đổi cặp khóa thuộc chứng thư số:

Số chứng thư số:..... Ngày cấp:..... Ngày hết hạn:.....

Loại nghiệp vụ: (TTLNH /BC theo NĐ82/BC tài chính/DTBB/BCTK ...):.....

Mục đích sử dụng trong nghiệp vụ Thanh toán liên ngân hàng (TTLNH):

Truyền thông

Phê duyệt giao dịch

Lý do thay đổi:.....

Tên tổ chức quản lý thuê bao:..... Ngày.....tháng..... năm.....

Xác nhận của thủ trưởng đơn vị

Người khai ký và ghi rõ họ, tên

(Cấp xác nhận là Hội sở chính hoặc

Chi nhánh nơi làm việc của thuê bao)

Chú thích: () là những thông tin không bắt buộc*

Mẫu số 7

<TÊN TỔ CHỨC QUẢN LÝ THUÊ BAO> CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm.....

V/v Đăng ký chứng thư số

Kính gửi: Cục Công nghệ tin học - Ngân hàng Nhà nước.

(Tên tổ chức quản lý thuê bao) đăng ký chứng thư số cho các cán bộ có tên sau:

STT	Mã đơn vị	Tên đơn vị	Tên cán bộ	Loại nghiệp vụ	Ghi chú (đã có CTS)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	BCTK	
2	TTLNH (Truyền thông)	

(Giấy đề nghị cấp chứng thư số được gửi kèm theo công văn này).

Đề nghị Cục Công nghệ tin học cấp chứng thư số cho các cán bộ có tên nêu trên.

Mọi chi tiết xin liên hệ: (Tên cán bộ phụ trách đăng ký, quản lý chứng thư số của đơn vị)

Số điện thoại:..... Di động:.....

Email:.....

Chú ý:**1. Cột Loại nghiệp vụ:**

- Thanh toán liên ngân hàng TTLNH (ghi rõ dùng cho Truyền thông hay Phê duyệt lệnh);

- Chương trình Báo cáo thống kê (BCTK);

- Dự trữ bắt buộc (DTBB);

- Báo cáo tài chính (BCTC);

-...

2. Cột Ghi chú:

- Đối với các thuê bao đã được Tổ chức cung cấp dịch vụ chữ ký số NHNN cấp chứng thư số thì đánh dấu (X) vào cột Ghi chú.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu tại đơn vị.

TỔNG GIÁM ĐỐC
(THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ)
(Cấp xác nhận là Hội sở chính)